

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Văn bản số 6678/BTNMT-ĐCKS ngày 06/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo thăm dò nâng cấp trữ lượng khu vực đã được cấp phép khai thác khoáng sản quặng sắt tại tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt bổ sung 03 điểm mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 và Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quặng sắt khu vực khoáng sản nhỏ lẻ điểm mỏ Làng Mường, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản quặng sắt trong “Báo cáo kết quả thăm dò quặng sắt điểm mỏ Làng Mường, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang”;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng sắt khu vực khoáng sản nhỏ lẻ điểm mỏ Làng Mường, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 226/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang thực hiện dự án đầu tư khai thác quặng sắt khu vực khoáng sản nhỏ lẻ điểm mỏ Làng Mường, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản ngày 21/6/2021 của Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang (địa chỉ: Tổ 16, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT ngày 10/8/2021 về việc đề nghị cấp giấy phép khai thác quặng sắt khu vực khoáng sản nhỏ lẻ điểm mỏ Làng Mường, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ý kiến thẩm định Thiết kế cơ sở dự án của Sở Công Thương tại văn bản số 470/SCT-QLCN ngày 29/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang được khai thác quặng sắt bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực khoáng sản nhỏ lẻ điểm mỏ Làng Mường, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 100.000 m² (10,0 ha), được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 4 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 (Phụ lục số 2) kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất: Từ mức +220 m xuống đến mức + 105,0 m.

3. Trữ lượng

- Trữ lượng địa chất cấp 122 là: 139.831 tấn quặng sắt.

- Trữ lượng khai thác cấp 122 là: 125.848 tấn quặng sắt (72.839 tấn kim loại).

4. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

5. Thân khoáng dạng khối.

6. Công suất khai thác: 8.000 tấn quặng sắt/năm (trong đó: năm thứ nhất: 4.000 tấn quặng sắt/năm; năm cuối (thứ 16): 1.848 tấn quặng sắt/năm).

7. Thời gian khai thác: 16,0 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

Sử dụng đúng phương tiện, thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản đã được Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định; nộp bản đăng ký thiết bị khai thác, chế biến, vận chuyển quặng sắt (*có kèm theo hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của từng loại thiết bị, phương tiện khai thác, vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp*) cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành khai thác.

4. Trước khi tiến hành khai thác phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương nơi có mỏ kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được cấp phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành. Phải lắp đặt trạm cân, lắp camera theo quy định, việc xuất hàng phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp; cấp hàng vận chuyển phải đúng tải trọng cho phép không làm ảnh hưởng đến môi trường, cấp đường giao thông.

8. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;


Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Thiết kế mỏ đã được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: 

- CTy CPLS&KS Tuyên Quang (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- UBND huyện Hàm Yên (bản sao);
- Công an tỉnh (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 32 /GP-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
10,0 ha	1	²⁴57.121	³99.038
	2	²⁴56.767	³99.176
	3	²⁴56.778	³98.887
	4	²⁴57.139	³98.757